

Đổi mới cơ chế quản lý hoạt động Khoa học- công nghệ trong các trường đại học

PGS.TS. Hoàng Văn Hoa

Đại học Kinh tế Quốc dân

Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP của Chính phủ ngày 02 tháng 11 năm 2005 về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 – 2020 đã xác định rõ vai trò, nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong các trường đại học: “Nâng cao rõ rệt quy mô và hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học. Các trường đại học phải là các trung tâm nghiên cứu khoa học mạnh của cả nước; nguồn thu từ các hoạt động khoa học và công nghệ, sản xuất và dịch vụ đạt tối thiểu 15% tổng nguồn thu của các cơ sở giáo dục đại học vào năm 2010 và 25% vào năm 2020”. Để thực hiện mục tiêu này, Nghị quyết 14 cũng đã đề ra các nhiệm vụ và giải pháp cụ thể.

Năm 2004, Thủ tướng Chính phủ cũng đã có Quyết định số 171/2004/QĐ-TTg, phê duyệt Đề án đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ. Tuy nhiên, cho đến nay cơ chế quản lý khoa học và công nghệ nói chung và nghiên cứu khoa học trong các trường đại học vẫn chưa có sự chuyển biến đáng kể, chưa tạo điều kiện nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học-công nghệ trong các trường đại học. Bài viết này bước đầu nêu lên một số giải pháp chủ yếu nhằm tiếp tục đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý hoạt động khoa học-công nghệ trong các trường đại học, góp phần nâng cao hiệu quả nghiên cứu khoa học ở các trường đại học nước ta hiện nay.

1. Tiếp tục đổi mới nhận thức về vai trò của hoạt động khoa học trong các trường đại học

Nghiên cứu khoa học là một trong hai trụ cột đảm bảo cho sự phát triển bền vững của một trường đại học. Vai trò của nghiên cứu khoa học trong các trường đại học có ý nghĩa quan trọng: 1) Nâng cao vị thế của trường đại học. Chỉ có thông qua nghiên cứu khoa học với những kết quả khoa học có giá trị thì uy tín của một trường đại học mới được đảm bảo, trên cơ sở đó mới thu hút được giảng viên và học viên giỏi, có tài năng; 2) Nghiên cứu khoa học là nhân tố quyết định nâng cao chất lượng đào tạo. Trong giảng dạy đại học mà không có nghiên cứu khoa học thì sẽ không có sáng tạo, không đáp ứng được yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, mà sẽ chỉ giống như giáo dục ở các trường phổ thông; 3) Nghiên cứu khoa học sẽ làm tăng thêm nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất cho nhà trường, giảm bớt sức ép về mở rộng quy mô đào tạo, giảm giờ lên lớp, từ đó giúp cho giảng viên dành nhiều thời gian cho

nghiên cứu khoa học; 4) Nghiên cứu khoa học là nhân tố quan trọng đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế về giáo dục đại học.

Trong thời đại ngày nay, cách mạng khoa học-công nghệ trên thế giới tiếp tục phát triển với nhịp độ nhanh, khoa học- công nghệ đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp ở nhiều nước, các doanh nghiệp khoa học và công nghệ phần lớn được hình thành từ các trường đại học, nhiều trường đại học là nơi sáng tạo ra công nghệ mới, thực hiện chuyển giao công nghệ, là một trong những trung tâm nghiên cứu, phát minh, ứng dụng những công nghệ hiện đại.

Trong hệ thống các trường đại học ở Việt Nam hiện nay, sản phẩm từ nghiên cứu khoa học của một số trường đại học đã được chuyển giao cho các doanh nghiệp, và trở thành sản phẩm của thị trường khoa học và công nghệ. Nhiều công trình nghiên cứu khoa học của các trường đại học đã góp phần phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao. Chẳng hạn, các trường: Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại

học Thái Nguyên, Đại học Huế, Đại học Đà Nẵng..., đã có nhiều đề tài nghiên cứu ứng dụng công nghệ hiện đại vào thiết kế, chế tạo, cải tiến quy trình công nghệ, đưa vật liệu mới vào thay thế vật liệu truyền thống... phục vụ cho sản xuất và đời sống. Trường đại học nông nghiệp I, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường đại học Sư phạm-Đại học Thái Nguyên, Trường Đại học Nông lâm- Đại học Huế, Trường Đại học Nông lâm thành phố Hồ Chí Minh... đã có nhiều đề tài nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ gen vào việc xây dựng quy trình nhân nhanh cây trồng, tạo ra bộ giống cây trồng có năng suất cao, thích hợp với điều kiện môi trường, sinh thái của Việt Nam¹

Nhiều kết quả nghiên cứu của các trường đại học kinh tế có ý nghĩa quan trọng trong tư vấn hoạch định chính sách kinh tế-xã hội, đóng góp to lớn đối với sự phát triển kinh tế chung của đất nước và của nhiều địa phương, doanh nghiệp trong quá trình chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN.

2. Đổi mới chính sách khoa học-công nghệ đối với các trường đại học

Chính sách cho hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) trong các trường đại học mặc dù đã có nhiều đổi mới trong những năm qua nhưng vẫn còn nhiều bất cập, chưa tạo động lực và điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân NCKH. Thiếu biện pháp có tính khả thi cao về trách nhiệm và quyền lợi của giảng viên thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học; đầu tư kinh phí sự nghiệp NCKH từ ngân sách nhà nước cho các trường đại học còn dè dặt, thiếu tập trung cho các lĩnh vực ưu tiên và đơn vị trọng điểm. Thiếu biện pháp hữu hiệu để huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước cho NCKH; chưa xây dựng được các tiêu chí cụ thể đánh giá chất lượng và hiệu quả NCKH.

Vì vậy, cần tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách nhằm nâng cao hiệu quả nghiên cứu khoa học ở các trường đại học theo hướng sau:

Thứ nhất, đổi mới tổ chức triển khai các hoạt động khoa học và công nghệ trong các trường đại học.

- Quy định cụ thể nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của giảng viên.

Quyết định số 64/ 2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 11 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ GD & ĐT đã quy định chế độ làm việc đối với giảng viên².

Tuy nhiên, để các quy định này trở thành hiện thực, các trường đại học cần có chế tài cụ thể để khuyến khích và bắt buộc giảng viên nghiên cứu khoa học, khắc phục nhanh tình trạng giảng viên trường đại học không nghiên cứu khoa học, cần có các chính sách đồng bộ. Trước mắt cần thực hiện một biện pháp cụ thể như: 1) Quy định giờ giảng tối đa cho các giảng viên, tránh tình trạng một số giảng viên đại học giảng 1500- 2000 tiết/năm, và không còn thời gian và sức lực để nghiên cứu khoa học; 2) Có chế tài chặt chẽ bắt buộc giảng viên nghiên cứu khoa học. Giảng viên tùy theo học vị, học hàm,

hàng năm phải có sản phẩm khoa học. 3) Quy định các đề tài từ cấp cơ sở trở lên, phải công bố ít nhất một bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành; đề tài cấp bộ trọng điểm phải xuất bản kết quả nghiên cứu; 4) Bảo đảm kinh phí từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học- công nghệ cho các hoạt động khoa học của các trường đại học.

- Khẩn trương xây dựng đề án để thực thi trong thực tiễn. *Nghị quyết 14 của Chính phủ: "Bố trí tối thiểu 1% ngân sách nhà nước hàng năm để các cơ sở giáo dục đại học thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ"*. Nghị quyết số 14 của Chính phủ đã được đề ra từ năm 2005, là một bước đột phá về các chính sách đổi mới hệ thống giáo dục đại học, trong đó có vấn đề nghiên cứu khoa học ở các trường đại học. Tuy nhiên, cho đến nay, nhiều nội dung của Nghị quyết 14 vẫn đang còn "tiếp tục nghiên cứu" và chưa đi vào thực tiễn. Đồng thời, nhiều chính sách về giáo dục đại học nói chung, khoa học- công nghệ nói riêng vẫn đang dừng lại ở "ý chí" của các nhà quản lý.

Thứ hai, phát triển các mô hình viện, trung tâm nghiên cứu và doanh nghiệp khoa học & công nghệ trong các trường đại học

Phát triển các mô hình viện nghiên cứu, các đơn vị hoạt động KH&CN là nhằm tạo nên sự chuyên môn hóa và đa dạng hóa trong các hoạt động nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao; các hoạt động về dịch vụ KH&CN trên cơ sở tự chủ và tự chịu trách nhiệm là một hướng đổi mới căn bản trong mô hình tổ chức hoạt động KH&CN của trường đại học.

Nghiên cứu chuyển dần một số viện nghiên cứu thuộc các Bộ/ngành hiện nay vào các trường đại học. Đây là một chủ trương đúng đã được đề ra từ nhiều năm nay, nhưng cho đến nay, hầu như chưa được thực hiện. Chúng tôi cho rằng, Bộ GD & ĐT cần xây dựng đề án để thực hiện chủ trương này và trước mắt, cần thực hiện thí

điểm chuyển một vài viện nghiên cứu về trường đại học.

Phát triển mô hình doanh nghiệp (DN) khoa học và công nghệ trong các trường ĐH. Các DN này có nhiệm vụ: Thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ; tổ chức sản xuất và kinh doanh sản phẩm mới, dịch vụ khoa học công nghệ dựa trên kết quả nghiên cứu và phát triển theo Luật Doanh nghiệp. Các doanh nghiệp KH&CN được tự chủ trong việc ký kết hợp đồng lao động đối với cán bộ, viên chức theo luật định, chủ động trong hoạt động của mình.

Thứ ba, xây dựng các chính sách tạo động lực vật chất và tinh thần mạnh mẽ cho các tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động khoa học và công nghệ, trọng dụng và tôn vinh nhân tài khoa học và công nghệ.

- Thực thi chế độ đãi ngộ tương xứng với cống hiến của các nhà KH&CN; không giới hạn mức thu nhập đối với cán bộ KH&CN, miễn hoặc giảm thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động NCKH. Xem xét lại và điều chỉnh chính sách thuế thu nhập đối với hoạt động NCKH nhằm khuyến khích nghiên cứu khoa học.

- Xây dựng tiêu chí, quy chế khen thưởng, tôn vinh đối với tổ chức, cá nhân có thành tích KH&CN có giá trị khoa học và thực tiễn cao; chính sách sử dụng cán bộ KH&CN ở các trường đại học đã đến tuổi nghỉ hưu nhưng còn khả năng chuyên môn, sức khỏe và tâm huyết với nghề nghiệp.

3. Đổi mới và hoàn thiện cơ chế quản lý khoa học trong các trường ĐH

- Tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các trường đại học, xóa bỏ cơ chế bộ chủ quản, trao quyền tự chủ cho các trường đại học. Đây là chủ trương đã được nêu trong Nghị quyết 14 của Chính phủ. Hiện nay phần lớn các trường đại học, cao đẳng, đều trực thuộc các Bộ/ngành hoặc địa phương. Cơ chế quản lý này có những mặt thuận lợi nhưng cũng đã bộc bộ những hạn



chế, yếu kém. Trước hết, là sự khép kín trong từng bộ, ngành dẫn đến cát cứ, cục bộ. Trong nhiều trường hợp, Bộ chủ quản trở thành cơ quan quản lý trực tiếp, trở thành "Ban giám hiệu" của các trường đại học. Trường đại học chịu sự chỉ đạo của nhiều cơ quan quản lý, làm mất đi tính chủ động và tự chịu trách nhiệm của trường. Mục tiêu xóa bỏ cơ chế bộ chủ quản là trao quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội cao nhất cho các trường đại học. Vì vậy, cần tăng quyền tự chủ của các trường đại học theo hướng:

- Bộ chủ quản không can thiệp trực tiếp vào các hoạt động cụ thể của các trường đại học mà tập trung vào nhiệm vụ hoạch định chính sách, kiểm soát các trường đại học trong quá trình thực thi chính sách và theo luật định.

- Tăng cường vai trò quản lý nhà nước của Bộ GD & ĐT theo hướng tập trung vào việc hoạch định chính sách, xây dựng các các văn bản pháp quy để chỉ đạo và hướng dẫn các trường đại học thực hiện tốt các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, như: Quy định tỷ lệ giảng viên/sinh viên của các trường đại học; Quy chế nghiên cứu khoa học của giảng viên trong các trường đại học; Quy chế về phối hợp hoạt động khoa học và công nghệ giữa các trường đại học và các viện nghiên cứu, địa phương và doanh nghiệp; xây dựng tiêu chí đánh giá, kiểm định chất lượng nghiên cứu khoa học của các trường đại học; Quy định về quản lý, tuyển chọn đề tài khoa học; chính sách đầu tư tăng cường năng lực nghiên cứu khoa học ở các trường đại học.v.v.

- Triệt để xóa bỏ cơ chế "xin phép" trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế. Các trường đại học có quyền tự quyết định về tổ chức cán bộ, quy mô đào tạo theo năng lực của trường, tự quyết về nội dung, chương trình đào tạo, mức học phí; tự chủ về tài chính, về sử dụng kinh phí ngân sách sự nghiệp khoa học trong hoạt động khoa học và công nghệ; tự chủ trong thực hiện nhiệm vụ hợp

tác quốc tế về đào tạo, nghiên cứu khoa học.

- Bổ sung và hoàn thiện Quyết định 24/2005/QĐ-BGD&ĐT ngày 2 tháng 8 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quản lý đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ, theo hướng sau:

- + Đối với các đề tài cấp Bộ, đề nghị Bộ GD & ĐT ủy quyền cho các trường đại học trực tiếp tổ chức thành lập hội đồng xác định, tuyển chọn, phê duyệt, đánh giá và nghiệm thu. Bộ GD & ĐT chỉ tập trung vào trực tiếp xác định, tuyển chọn, xét duyệt, đánh giá, nghiệm thu các đề tài/dự án cấp Bộ trọng điểm.

- + Đối mới quy trình đánh giá nghiệm thu đề tài KH & CN cấp Bộ và cấp Bộ trọng điểm: Đề nghị tổ chức phần biện luận đề tài cấp Bộ và cấp Bộ trọng điểm trước khi đưa ra đánh giá nghiệm thu cấp Bộ; yêu cầu công bố công khai lên trang web của trường/Bộ các đề tài cấp Bộ và cấp Bộ trọng điểm trước khi đưa ra đánh giá, nghiệm thu; xây dựng lại quy trình đánh giá nghiệm thu và công nhận kết quả thực hiện đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ.

- + Về thành phần hội đồng nghiệm thu, đề tài cấp Bộ/cấp Bộ trọng điểm: chỉ cho phép tối đa là 2 nhà khoa học từ cơ quan quản lý đề tài. Đối với các đề tài nghiên cứu phục vụ các địa phương, doanh nghiệp, yêu cầu bắt buộc phải có đại diện của địa phương, doanh nghiệp đó.

- + Sửa đổi và hoàn thiện mẫu thuyết minh đề tài cấp Bộ. Yêu cầu khi xây dựng bản thuyết minh đề tài, bắt buộc phải kèm theo đề cương chi tiết của đề tài.

- + Xây dựng các tiêu chí định lượng để đánh giá kết quả nghiên cứu của đề tài. Yêu cầu bắt buộc đề tài NCKH cấp Bộ phải có ít nhất là một bài báo công bố trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín; có ý kiến của cơ quan quản lý, cơ quan ứng dụng kết quả nghiên cứu đề tài; có quy chế cộng điểm cho những đề tài có nhiều bài báo công bố trên các

tạp chí khoa học hoặc xuất bản thành sách; không giao đề tài cho cá nhân không có bài báo khoa học công bố trên các tạp chí hoặc đề tài chỉ đạt kết quả loại trung bình.

- Xây dựng quy chế tổ chức và quản lý công tác thông tin KH- CN; nâng cao chất lượng hệ thống tạp chí KH- CN, nhà xuất bản trong các trường đại học; xây dựng cổng thông tin điện tử để tra cứu các kết quả nghiên cứu khoa học của các trường phục vụ cho hoạt động NCKH, quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong các trường đại học.

Chúng tôi khuyến nghị Bộ GD & ĐT phối hợp với các cơ quan liên quan thành lập hội đồng đánh giá, xếp hạng tạp chí khoa học trên phạm vi cả nước; khuyến khích các trường đại học xây dựng các tạp chí khoa học, hoạt động độc lập, khách quan, không vì mục tiêu lợi nhuận. Trên cơ sở đó, việc đánh giá kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học, của các đề tài NCKH được thể hiện trước hết ở việc công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học có uy tín.

- Đối mới quy trình, tiêu chí phân bổ, đánh giá đề tài khoa học ở các trường ĐH.

Đối với các đề tài cấp Bộ có nguồn vốn từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ do Bộ GD & ĐT cấp cho các trường đại học hàng năm, nên phân cấp cho các trường tự quyết định tuyển chọn, đánh giá, nghiệm thu. Đối với các đề tài cấp Bộ trọng điểm có nguồn kinh phí từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ do Bộ GD & ĐT quản lý, đề nghị thực hiện tuyển chọn theo các bước sau:

Bước 1: Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập Hội đồng xác định và xét duyệt đề tài, nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo từng khối ngành, đề tư vấn cho Bộ trưởng, đề xuất các phương hướng đề tài, nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Bước 2: Các trường đại học/cao đẳng và các nhân các nhà khoa học đề xuất các đề tài, nhiệm vụ khoa học và công nghệ và gửi Bộ danh mục các

để tài, nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Bước 3: Hàng năm, Hội đồng khoa học ngành của Bộ tổng hợp danh mục các đề tài và nhiệm vụ khoa học & công nghệ, thông báo cho các trường danh mục đề tài và tiến hành đấu thầu công khai, rộng rãi.

Bước 4: Hội đồng khoa học ngành căn cứ vào tiêu chí của đề tài trọng điểm, tư vấn cho Bộ trưởng tuyển chọn/xét chọn đề tài.

Bước 5: Bộ GD & ĐT căn cứ vào ý kiến của Hội đồng để xác định và giao cho các trường và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài.

- **Nâng cao tính thực tiễn của đề tài nghiên cứu.** Xây dựng tiêu xét tuyển đề tài. Việc lựa chọn đề tài nghiên cứu phải tính đến các yếu tố: nhu cầu của thị trường, điều kiện nghiên cứu cụ thể và khả năng thành công, khả năng triển khai trong thực tế. ưu tiên xét duyệt đề tài có địa chỉ ứng dụng cụ thể, coi đây là tiêu chí quan trọng nhất khi xét duyệt và cấp kinh phí.

4. Đổi mới cơ chế quản lý, phân bổ kinh phí và sử dụng có hiệu quả nguồn tài chính đối với hoạt động khoa học các trường đại học

Thứ nhất, đổi mới cơ chế phân bổ nguồn đầu tư tài chính từ ngân sách nhà nước cho KH&CN trong các trường đại học

Trong nguồn tài chính cho nghiên cứu khoa học cấp bộ, trước hết cần giành một lượng kinh phí đầu tư cho các nhiệm vụ do các bộ, ngành đề xuất để tập trung giải quyết những chương trình, đề tài có tầm quan trọng cho sự phát triển của bộ, ngành. Tránh đầu tư dàn trải, cần tập trung kinh phí với quy mô đủ lớn để giải quyết những vấn đề cấp bách đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Để đổi mới phân bổ kinh phí sự nghiệp KH-CN, ngày 13-3-2008, Bộ trưởng Bộ GD & ĐT đã ban hành Quyết định số 1041/QĐBGĐT quy định về tiêu chí giao nhiệm vụ và kinh phí sự nghiệp khoa học cho các đơn vị trực thuộc Bộ. Bản

quy định này đã xác định khá rõ các tiêu chí phân bổ kinh phí trên cơ sở đánh giá năng lực khoa học – công nghệ của các trường đại học, cao đẳng. Có thể thấy rằng, đây là một bước tiến mới trong việc phân bổ kinh phí sự nghiệp khoa học theo năng lực và điều kiện của từng trường. Nhờ đó, kinh phí dành cho nghiên cứu khoa học ở một số trường có tiềm lực khoa học mạnh, có đội ngũ cán bộ khoa học đông đảo, có kết quả nghiên cứu khoa học tốt, đã tăng lên đáng kể. Do Quyết định 1041 mới được mới được triển khai (từ năm 2008) nên cần có thời gian kiểm chứng trong thực tế để tiếp tục hoàn thiện. Chúng tôi cho rằng, việc phân bổ kinh phí sự nghiệp khoa học – công nghệ cần nhấn mạnh rõ hơn và ưu tiên xem xét dựa vào tiêu chí đánh giá năng lực khoa học – công nghệ của các trường đại học.

Thứ hai, xây dựng Quỹ phát triển KH&CN ở các trường đại học. Cần thành lập Quỹ phát triển KH&CN của Bộ GD & ĐT và khuyến khích các trường đại học xây dựng Quỹ khoa học – công nghệ của Trường. Quỹ này nằm trong hệ thống Quỹ phát triển KH&CN quốc gia, và về cơ bản được tổ chức hoạt động theo những nguyên tắc của Quỹ phát triển KH&CN quốc gia. Để khuyến khích được sự sáng tạo của các nhà khoa học, tập trung được trí tuệ của những nhà khoa học có trình độ cao, chúng tôi cho rằng, việc giành một phần kinh phí nhất định cho những đề xuất mang tính cá nhân của nhà khoa học là rất cần thiết.

Thứ ba, đổi mới cơ chế quản lý tài chính nhằm mở rộng quyền tự chủ tài chính đối với các trường đại học. Cải tiến thủ tục cấp, quyết toán kinh phí, đánh giá, nghiệm thu nhằm giảm kinh phí với chất lượng đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu. Đối với đề tài thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, chúng tôi khuyến nghị cần thực hiện hình thức khoán gọn về kinh phí cho các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học. áp dụng cơ chế đấu thầu đề tài.

Trong trường hợp một đề tài, nhiệm vụ KH&CN có từ hai nhà khoa học trở lên đăng ký nghiên cứu, cần áp dụng cơ chế đấu thầu.

5. Xây dựng tiêu chí đánh giá, xếp hạng các trường đại học, xếp hạng năng lực và chất lượng NCKH của các trường đại học

Thứ nhất, Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các cơ quan liên quan, tập trung xây dựng tiêu chí đánh giá toàn diện các trường đại học, trên cơ sở đó, tiến hành xếp hạng các trường đại học ở nước ta. Hình thành một tổ chức chuyên nghiệp để xây dựng tiêu chí đánh giá chất lượng các trường đại học, hoạt động một cách độc lập, khách quan; Tổ chức này hàng năm công bố công khai, rộng rãi việc xếp hạng các trường đại học. Việc xếp hạng này được đánh giá lại theo định kỳ hàng năm hoặc hai năm một lần; Các tiêu chí đánh giá này cần được đưa theo các chuẩn mực quốc tế. Theo đó, cần lưu ý một số tiêu chí khoa học quan trọng như: chất lượng đội ngũ giảng viên (số lượng giảng viên có các công trình khoa học công bố trên các tạp chí có uy tín trong nước và quốc tế; nguồn thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; tỷ lệ giảng viên/sinh viên (đã quy chuẩn); số lượng và chất lượng sách/giáo trình xuất bản trong và ngoài nước; số lượng công trình được trích dẫn; số lượng sinh viên quốc tế được đào tạo tại trường; số lượng và chất lượng các hợp đồng nghiên cứu với doanh nghiệp và địa phương; kết quả và sản phẩm chuyển giao công nghệ; số lượng đề tài các cấp.v.v.

Cần lưu ý rằng, các tiêu chí đánh giá các trường đại học cần được lượng hoá. Để đánh giá và lượng hoá được các tiêu chí, cần thiết có sự kiểm định đồng bộ vì chất lượng nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ có liên quan chặt chẽ đến các tiêu chí khác. Chẳng hạn như việc đánh giá và xếp hạng chất lượng các tạp chí khoa học trong nước, các nhà xuất bản trong và ngoài nước, tiêu chí đánh giá

chất lượng đội ngũ khoa học của trường đại học .v.v.

Thứ hai, xây dựng tiêu chí đánh giá năng lực và hiệu quả nghiên cứu khoa học của các trường đại học. Nghiên cứu, áp dụng tiêu chí đánh giá năng lực và hiệu quả nghiên cứu khoa học của các trường đại học, trong đó, cần chú ý nhấn mạnh các tiêu chí đầu ra, bao gồm:

1) Số lượng và chất lượng ấn phẩm khoa học công bố hàng năm, gồm: các công trình khoa học công bố trên các tạp chí khoa học trong nước (theo danh mục tạp chí do Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước định danh) và nước ngoài (theo cơ sở dữ liệu của ISI- Mỹ), sách xuất bản ở trong và ngoài nước; 2) Các giải thưởng khoa học (tập thể và cá nhân nhà khoa học của trường); 3) Doanh thu từ hoạt động KH- CN; 4) Các hợp đồng nghiên cứu và kết quả chuyển giao kết quả nghiên cứu, tư vấn với các Bộ/ngành, địa phương, doanh nghiệp (cả về số lượng và chất lượng); 5) Tỷ lệ nguồn thu từ hoạt động KH-CN trên tổng nguồn thu của trường; 6) Số lượng và chất lượng các hội thảo khoa học do trường tổ chức và tham gia; 7) Số lượng thạc sỹ, tiến sỹ tham gia và được đào tạo từ các công trình nghiên cứu khoa học; 8) Số lượng các công trình hợp tác quốc tế; 9) Số lượng các công trình nghiên cứu khoa học có đóng góp mới về lý luận và thực tiễn, góp phần hoạch định chính sách kinh tế- xã hội; được trích dẫn trong các bài báo và công trình nghiên cứu khác; 10) Số lượng các công trình nghiên cứu được ứng dụng để xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình, sách tham khảo phục vụ quản lý và đào tạo.

Mỗi một tiêu chí sẽ được thể hiện bằng một nhóm các chỉ tiêu định lượng cụ thể. Trong đó, mỗi chỉ tiêu định lượng sẽ được quy định một hệ số thể hiện tầm quan trọng của chỉ tiêu đó.

Thứ ba, tập trung xây dựng một số trường đại học nghiên cứu.

- Đầu tư xây dựng một số trường đại học đạt đẳng cấp quốc tế về năng lực nghiên cứu khoa học, đồng thời tập trung đầu tư nguồn lực tài chính và nguồn nhân lực cho 14 trường trọng điểm quốc gia thành những trung tâm đào tạo chất lượng cao, và là trung tâm nghiên cứu khoa học lớn của đất nước.

- Xây dựng tiêu chí xác định trường đại học nghiên cứu. Theo chúng tôi, các trường đại học nghiên cứu được xếp hạng theo các tiêu chí sau: 1) Số lượng cán bộ nghiên cứu, giảng viên của trường được trao các giải thưởng Nobel và các giải thưởng khoa học khác; 2) Số lượng các bằng phát minh, sáng chế khoa học- công nghệ; 3) Số lượng các bài báo được đăng ở các tạp chí khoa học có uy tín trong nước và quốc tế; 4) Số bài báo được trích dẫn trong các công trình NCKH; 5) Số lượng chuyên khảo/tham khảo đã xuất bản; 6) Nguồn thu từ hoạt động KH- CN và tỷ lệ nguồn thu từ hoạt động khoa học/tổng nguồn thu của trường; 7) Số lượng và tỷ lệ cán bộ khoa học (GS, PGS, TS)/tổng số giảng viên; 8) Số lượng đề tài cấp Bộ, cấp Bộ trọng điểm, cấp nhà nước và tương đương; 9) Các sinh viên cũ của trường được trao các giải thưởng khoa học; 10) Chất lượng đầu vào của SV, học viên cao học, NCS; tỷ lệ SV/giảng viên; tỷ lệ NCS/SV hệ đại học.

- Đầu tư xây dựng các phòng thí nghiệm với trang bị cơ sở vật chất theo hướng hiện đại, xây dựng các trung tâm nghiên cứu, tư vấn, chuyển giao công nghệ chất lượng cao ở một số trường đại học. Đẩy mạnh việc nghiên cứu kinh nghiệm của các nước trên thế giới trong việc xúc tiến thành lập và phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong các trường đại học.

1. Bộ GD & ĐT: Kỷ yếu hội thảo Đổi mới hoạt động khoa học và công nghệ trong các trường đại học giai đoạn 2008-2020, Hà Nội, 6/2008.

2. Quyết định này đã đề ra định

mức thời gian làm việc cho giảng viên với từng nhiệm vụ cụ thể như giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn khác. Trong từng năm học, mỗi giảng viên phải công bố kết quả nghiên cứu khoa học tối thiểu bằng một bài báo trên tạp chí khoa học hoặc một đề tài NCKH cấp cơ sở được nghiệm thu đạt yêu cầu

Tài liệu tham khảo:

1. Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 5/9/2005 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

2. Nghị quyết của Chính phủ số 14/2005/NQ-CP ngày 2/11/2005 về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020.

3. Chiến lược phát triển KH & CN đến năm 2010 (QĐ số 272/2003/QĐ-TTg ngày 31/12/2003 của Thủ tướng Chính phủ).

4. Chiến lược phát triển Giáo dục 2001- 2010 (QĐ của Thủ tướng Chính phủ số 201/2001/QĐ- TTg ngày 28/12/2001).

5. Đề án đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ (QĐ số 171/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 28/9/2004).

6. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Quyết định số 19/2005/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/6/2005 của Bộ trưởng Bộ GD & ĐT về việc ban hành Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong các trường đại học, cao đẳng trực thuộc Bộ GD & ĐT.

7. Mai Ngọc Cường (Chủ nhiệm dự án): Dự án điều tra thực trạng và kiến nghị giải pháp đổi mới đầu tư tài chính đối với các trường đại học Việt Nam phù hợp với cơ chế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế. Báo cáo tổng hợp dự án cấp Bộ, Hà Nội, 2005.

8. Hoàng Văn Hoa (chủ nhiệm đề tài cấp Bộ trọng điểm, mã số B2006-06-30 TĐ): Vai trò của các trường đại học với sự phát triển của thị trường khoa học và công nghệ Việt Nam, Trường Đại học KTQD, 2008.

9. Hoàng Văn Hoa: Một số ý kiến về hoạt động nghiên cứu khoa học và tư vấn của Trường Đại học Kinh tế quốc dân. Kỷ yếu Hội thảo khoa học "Đánh giá hoạt động KH&CN 5 năm 2001-2005 và định hướng 2006-2010 trong lĩnh vực khoa học kinh tế của các trường đại học." Hà Nội, 2005.